

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 03/2022/ST-DS  
Ngày 15 - 3 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Trần Đình Khương;

2- Ông Nguyễn Minh Đức.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thuỳ Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-DS ngày 02/12/2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 11/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 24/02/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Nguyệt N;

Địa chỉ: Khu phố P, Phường O, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Số B Hùng V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Nh; địa chỉ: Khu phố B (Nay là khu phố Phương G), phường Đông L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**[1].** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, nội dung trả lời tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2022 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Nguyệt N (Sau đây viết tắt là: bà N) trình bày:

*1.1. Thỏa thuận cho vay:*

- Ngày 12/02/2020, bà N cho ông Nguyễn Minh Nh; địa chỉ: Khu phố B, phường Đông L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Sau đây viết tắt là: ông Nh*) vay 80.000.000 đồng, vay không lãi, thời hạn vay 01 tháng, thỏa thuận vay được lập văn bản với tiêu đề "Giấy mượn tiền" và ông Nh đã nhận đủ tiền vay (*Sau đây gọi tắt là: Hợp đồng vay thứ nhất*).

- Ngày 20/5/2020, bà N cho ông Nh vay thêm 170.000.000 đồng, vay không lãi, thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 20/5/2020 đến ngày 20/6/2020, thỏa thuận vay được lập văn bản với tiêu đề "Giấy mượn tiền" và ông Nh đã nhận đủ tiền vay

(Sau đây gọi tắt là: Hợp đồng vay thứ hai).

*1.2. Vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay:*

- Đối với Hợp đồng vay thứ nhất: Ngày 14/3/2020, ông Nh vi phạm thời hạn trả nợ vay.

- Đối với Hợp đồng vay thứ hai: Ngày 20/6/2020, ông Nh vi phạm thời hạn trả nợ vay.

*1.3. Yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông Nh:*

- Buộc ông Nh phải trả nợ vay bà N theo Hợp đồng vay thứ Nh, với tổng số tiền 93.280.000 đồng, trong đó, tiền gốc: 80.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/3/2020 đến 14/11/2021 (20 tháng), với số tiền: 13.280.000 đồng  $[(80.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 0,83)/100]$ .

- Buộc ông Nh phải trả nợ vay bà N theo Hợp đồng vay thứ hai, với tổng số tiền 193.987.000 đồng, trong đó, tiền gốc: 170.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/6/2020 đến 20/11/2021 (17 tháng), với số tiền: 23.987.000 đồng  $[(170.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,83)/100]$ .

Tổng cộng số tiền gốc và lãi của 02 hợp đồng vay bà N yêu cầu ông Nh có nghĩa vụ trả cho Bà là: 287.267.0000 đồng.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu tiền lãi, cụ thể: Yêu cầu ông Nh trả thêm tiền lãi trên số tiền gốc, với mức lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 15/11/2021 đến ngày xét xử là ngày 15/3/2022 đối với (Hợp đồng thứ nhất), và kể từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử là ngày 15/3/2022 đối với (Hợp đồng thứ hai).

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Minh Nh: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giao nộp cho Tòa án, không tham gia 02 phiên họp và hòa giải do Tòa án tổ chức và vắng mặt tại phiên tòa.

**[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

**\* Về tố tụng:**

- Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà N; Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 68; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Yêu cầu khởi kiện bổ sung không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

\* Về nội dung vụ án: Nội dung thỏa thuận giữa bà N với ông Nh thể hiện tại 02 “Giấy mượn tiền”, có nội dung của hợp đồng vay tài sản, vay có thời hạn, không có lãi. Ông Nh đã nhận đủ tiền vay và đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay cả

02 hợp đồng vay nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357; Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [I] Về tố tụng:

1. *Xét xử vắng mặt bị đơn*: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều đề nghị Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

2. *Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của đương sự*: Tranh chấp giữa bà N với ông Nh trong vụ án này được phát sinh từ 02 hợp đồng vay tài sản “Giấy mượn tiền”; bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại Khu phố B (Nay là khu phố Phương G), phường Đông L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà N và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” cũng như tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 68; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. *Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc ông Nh phải trả thêm tiền lãi kể từ ngày 15/11/2021 (Đối với Hợp đồng thứ nhất) và kể từ ngày 21/11/2021 (Đối với Hợp đồng thứ hai) đến ngày xét xử vụ án là ngày 15/3/2022. Hội đồng xét xử, xét thấy: Yêu cầu khởi kiện bổ sung không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận xem xét bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### [II] Về nội dung:

1. Xem xét 02 “Giấy mượn tiền” (Bút lục số 16 và số 17), thấy: Nội dung 02 “Giấy mượn tiền” có nội dung của “Hợp đồng **vay tài sản**” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể: Hợp đồng vay có thời hạn, không có lãi. Theo đó, bên cho vay là bà N, bên vay là ông Nh và ông Nh đã nhận đủ tiền vay, cụ thể:

Đối với Hợp đồng vay thứ nhất: Ông Nh đã nhận đủ tiền vay (80.000.000 đồng), thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày vay là ngày 12/02/2020. Như vậy, chậm nhất là ngày 13/3/2020, ông Nh phải trả nợ tiền vay nhưng đến nay ông Nh vẫn chưa trả nên Ông đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay kể từ ngày 13/3/2020.

Đối với Hợp đồng vay thứ hai: Ông Nh đã nhận đủ tiền vay (170.000.000 đồng), hai bên đã thỏa thuận thời hạn chậm nhất là ngày 20/6/2020, ông Nh phải

trả nợ tiền vay nhưng đến nay ông Nh vẫn chưa trả nên Ông đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay kể từ ngày 20/6/2020.

Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

*“ Điều 466: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay*

*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.*

.....

*4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.*

Theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như viện dẫn, thấy: Đã quá thời hạn vay theo thỏa thuận được ghi nhận tại Hợp đồng vay thứ Nh và Hợp đồng vay thứ hai nhưng bên vay là ông Nh chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay. Vì vậy, bà N khởi kiện với yêu cầu buộc ông Nh trả nợ tiền vay (tiền gốc) và tiền lãi tính trên tiền gốc kể từ ngày vi phạm là có căn cứ cần chấp nhận.

2. Về mức lãi suất tính lãi chậm trả 0,83%/tháng theo yêu cầu của bà N, thấy:

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.....*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Theo quy định của pháp luật về lãi suất tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 như viện dẫn nêu trên, thấy: Mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) bà N yêu cầu tính lãi là phù hợp nên cần chấp nhận.

**[III] Về án phí:**

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nguyệt N được chấp nhận nên phải trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà N.

Ông Nguyễn Minh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1, khoản 2 Điều 68; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nguyệt N.

**1. Nghĩa vụ trả nợ tiền vay:**

- Buộc ông Nguyễn Minh Nh phải trả nợ vay cho bà Trần Thị Nguyệt N theo hợp đồng vay đề ngày 12/02/2020, với tổng số tiền là: 95.936.000 đồng, trong đó: Tiền gốc 80.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 15/3/2022) 15.936.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Minh Nh phải trả nợ vay cho bà Trần Thị Nguyệt N theo Hợp đồng vay đề ngày 20/5/2020, với tổng số tiền là: 199.301.000 đồng, trong đó: Tiền gốc 170.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 15/3/2022) 29.301.000 đồng

Tổng số tiền vay của 02 hợp đồng vay, ông Nguyễn Minh Nh phải trả cho bà Trần Thị Nguyệt N là: 295.237.000 đồng, trong đó: Tiền gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 15/3/2022) 45.237.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh Nh phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 16/3/2022 cho đến khi trả hết nợ tiền vay.

**2. Về án phí:**

Buộc ông Nguyễn Minh Nh phải chịu 14.761.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị Nguyệt N toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.181.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: CC/2021/0000049 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị Nguyệt N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2022). Ông Nguyễn Minh Nh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**Trần Quốc Huy**